



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

---

**Tháng 3 năm 2016**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 32

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần PIV (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

#### **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Bà Hoàng Thị Hoài	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 28/8/2015)
Ông Lê Ngọc Tuấn	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 21/4/2015, Miễn nhiệm ngày 28/8/2015)
Ông Nguyễn Công Cương	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 21/4/2015)
Bà Nguyễn Thu Huyền	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Đức	Thành viên
Ông Vũ Văn Cương	Thành viên
Ông Lê Tuấn Anh	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trần Đức Dũng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14/4/2015)
Ông Tạ Ngọc Lãm	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14/4/2015)

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

---

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Trần Đức Dũng**

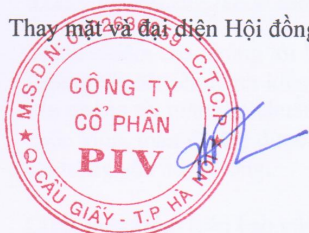
**Tổng Giám Đốc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2016

**Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Tôi, Hoàng Thị Hoài - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị,



**Hoàng Thị Hoài**

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2016

11/3/2016  
KIỂM TRA  
BAN CHỈ ĐẠO

Số: 53 /2016/KT-AVHP-TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần PIV**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần PIV (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 18/3/2016, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần PIV tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Thị Hoa**  
**Phó Giám đốc**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
0804-2015-055-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**  
*Hải Phòng, ngày 18 tháng 3 năm 2016*

**Nguyễn Thị Hoài Thu**  
**Kiểm toán viên**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:  
2461-2015-055-1

2461-2015-055-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01 - DN  
 Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>70.301.580.334</b>	<b>40.355.627.131</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>16.135.176.460</b>	<b>2.842.458.345</b>
1. Tiền	111	5	16.135.176.460	2.842.458.345
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>47.473.569.227</b>	<b>37.460.620.447</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	19.998.931.517	37.682.742.341
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		28.047.037.520	220.312.727
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	7.1	227.857.462	13.700.938
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(800.257.272)	(456.135.559)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>			<b>6.483.096.453</b>	-
1. Hàng tồn kho	141	10	6.483.096.453	-
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>209.738.194</b>	<b>52.548.339</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.1	38.106.919	48.048.339
2. Thuế GTGT được khấu trừ	153		167.131.275	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15.2	4.500.000	4.500.000
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.229.828.643</b>	<b>174.448.893</b>
<b>I- Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>72.196.800</b>	<b>72.196.800</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	7.2	72.196.800	72.196.800
<b>II- Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.144.602.250</b>	<b>73.280.000</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	5.144.602.250	73.280.000
- Nguyên giá	222		5.382.007.272	73.280.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(237.405.022)	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	-	-
- Nguyên giá	228		31.284.600	31.284.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.284.600)	(31.284.600)
<b>VI- Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.029.593</b>	<b>28.972.093</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.2	13.029.593	28.972.093
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>75.531.408.977</b>	<b>40.530.076.024</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B01 - DN  
 Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>47.859.276.553</b>	<b>22.022.693.845</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>45.866.771.549</b>	<b>22.022.693.845</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	25.025.465.674	17.521.815.968
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.735.726.887	2.389.838.896
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15.1	3.800.948.101	1.571.552.441
4. Phải trả người lao động	314		72.640.000	61.975.450
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	114.618.182	31.818.182
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	71.734.967	400.055.170
12. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		45.637.738	45.637.738
<b>II- Nợ dài hạn</b>			<b>1.992.505.004</b>	<b>-</b>
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	1.992.505.004	-
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>27.672.132.424</b>	<b>18.507.382.179</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>27.672.132.424</b>	<b>18.507.382.179</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	19a	12.000.000.000	12.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.000.000.000	12.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	19	(52.800.000)	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	19	443.972.144	443.972.144
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	19	35.157.200	35.157.200
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	19b	15.245.803.080	6.028.252.835
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.028.252.835	(2.005.046.497)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		9.217.550.245	8.033.299.332
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>75.531.408.977</b>	<b>40.530.076.024</b>

Người lập biểu



Phí Thị Ngọc Anh

Kế toán trưởng



Phí Thị Ngọc Anh

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc



Trần Đức Dũng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Năm 2015

Mẫu số B02 - DN  
 Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	153.933.334.068	101.505.966.951
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		153.933.334.068	101.505.966.951
4. Giá vốn hàng bán	11	21	133.313.909.874	90.527.708.512
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		20.619.424.194	10.978.258.439
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	2.014.535	440.021.561
7. Chi phí tài chính	22	23	-	139.231.309
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		-	4.249.106
8. Chi phí bán hàng	25	24	5.069.124.896	640.220.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	3.445.264.087	1.301.199.609
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		12.107.049.746	9.337.629.082
11. Thu nhập khác	31	25	500.000	70.688.726
12. Chi phí khác	32	26	226.338.557	30.436.067
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(225.838.557)	40.252.659
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		11.881.211.189	9.377.881.741
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	2.663.660.944	1.344.582.409
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		9.217.550.245	8.033.299.332
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	7.681	6.694

Người lập biểu



Phí Thị Ngọc Anh

Kế toán trưởng



Phí Thị Ngọc Anh

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2016  
 Tổng Giám đốc



Trần Đức Dũng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2015

Mẫu số B03 - DN  
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		188.485.266.030	74.558.493.337
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(166.671.295.829)	(82.703.674.175)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(875.423.250)	(308.914.354)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(4.249.106)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(272.000.000)	(8.330.744)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		144.908.597	16.231.023.976
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.212.024.696)	(14.544.486.337)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>18.599.430.852</b>	<b>(6.780.137.403)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			(5.308.727.272)	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(2.356.819.935)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	11.984.480.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	22	2.014.535	3.011.216
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.306.712.737)</b>	<b>9.630.671.281</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	1.363.935.383
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(1.613.935.383)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(250.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>13.292.718.115</b>	<b>2.600.533.878</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>05</b>	<b>2.842.458.345</b>	<b>241.924.467</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60)</b>	<b>70</b>	<b>05</b>	<b>16.135.176.460</b>	<b>2.842.458.345</b>

Số thuyết minh được áp dụng cho cột số liệu năm 2015.

Người lập biểu



Phí Thị Ngọc Anh

Kế toán trưởng



Phí Thị Ngọc Anh

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2016

Tổng Giám đốc



Trần Đức Dũng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**MẪU SỐ B09 - DN**

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần PIV (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102636059 ngày 29/01/2008. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã nhiều lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất là đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22/5/2015 và đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 11/9/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ là 12.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND.

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh:** sản xuất và thương mại.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Xuất bản phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: vật liệu xây dựng, thang máy;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: xây lắp các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông; xây dựng dân dụng, công nghiệp, các công trình hạ tầng đô thị và các khu dân cư;
- Bán buôn tổng hợp, chi tiết: hóa chất, phụ gia xây dựng và vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi); bán buôn máy móc, thiết bị y tế; bán buôn máy móc, trang thiết bị trường học; bán buôn các thiết bị phòng thí nghiệm, hóa học, sinh học, hóa học, vật lý;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện;

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B09 - DN**

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động viễn thông khác. Chi tiết: đại lý cung cấp các dịch vụ viễn thông;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: dịch vụ kho bãi;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không);
- Vận tải đường ống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: sản xuất, cung cấp, lắp đặt, kinh doanh các thiết bị, sản phẩm nội ngoại thất dùng cho tòa nhà văn phòng, chung cư, khách sạn, nhà hàng; mua bán, lắp đặt các thiết bị phục vụ hệ thống thông tin, viễn thông truyền hình; lắp đặt thang máy; lắp đặt hệ thống âm thanh, ánh sáng;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: dịch vụ tổ chức tài trợ, tổ chức sự kiện về vấn đề kinh tế, xã hội, giải trí, thể thao, truyền hình; lập và thực hiện các dự án truyền thông, dịch vụ văn hóa, giải trí du lịch;
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: tư vấn và cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế); tư vấn cung cấp thông tin kinh tế, thị trường (không bao gồm dịch vụ điều tra và cung cấp thông tin Nhà nước cấm); tư vấn Cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp và mua bán sáp nhập doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); tư vấn đấu thầu (không bao gồm xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng);
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà, văn phòng, kho bãi;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: dịch vụ môi giới bất động sản; dịch vụ tư vấn bất động sản; dịch vụ quảng cáo bất động sản; dịch vụ quản lý bất động sản;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Chi tiết: sản xuất phim quảng cáo, tiếp thị quảng cáo, quảng cáo tiếp thị đa phương tiện (truyền hình, internet, ấn phẩm báo chí, phát thanh trực tiếp) (không bao gồm sản xuất phim);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phao, phao cứu sinh, lều, bạt, vải các loại, hàng dệt may; xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**MẪU SỐ B09 - DN**

- Phá dỡ;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: mua bán hóa chất công nghiệp; bán buôn sợi dệt, bán buôn bột giấy; bán buôn phế liệu, nguyên liệu để tái sinh;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; bán buôn thủy sản; bán buôn rau, quả; bán buôn chè, cà phê; bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Bán buôn nông, lâm, sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: vận chuyển hành khách bằng ô tô;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: tư vấn, lắp đặt các thiết bị phòng thí nghiệm, hóa học, sinh học, vật lý; tư vấn chuyển giao công nghệ;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: sản xuất thiết bị dạy học, thiết bị dạy nghề và thiết bị nghiên cứu dạy học;
- Hoạt động của trụ sở văn phòng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 13 Toà nhà TTC, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** trong vòng 12 tháng.

**1.5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có hoạt động nào ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty.

**1.6. Cấu trúc doanh nghiệp:** Công ty không có các đơn vị trực thuộc hạch toán báo sổ, đơn vị trực thuộc hạch toán riêng, công ty liên doanh, liên kết.

**1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính:** có so sánh được thông tin trên báo cáo tài chính.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**

Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B09 - DN**

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

##### **4.1 Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **4.2 Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: phải thu khác, phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Vật liệu Xây dựng Hoàng Gia về tiền thuê trạm trộn nhưng dịch vụ chưa thực hiện và khoản ký cược, ký quỹ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

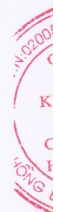
##### **4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành sản phẩm nhập kho được tính theo phương pháp giản đơn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B09 - DN**

**4.4 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyên giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<b>Năm 2015</b> <b>Số năm</b>
Máy móc, thiết bị	05 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

**4.5 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình hình thành từ mua sắm và đầu tư chuyên giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm văn phòng được ghi nhận ban đầu theo giá mua, được khấu hao trong vòng 3 năm và đã được khấu hao hết tại thời điểm 31/12/2013.

**4.6 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được ghi nhận theo thực tế phát sinh, bao gồm: tiền thuê văn phòng; chi phí dịch vụ; chi phí đăng ký chứng thư số và chi phí công cụ, dụng cụ.

Chi phí tiền thuê văn phòng và chi phí dịch vụ được phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (03 tháng) kể từ khi phát sinh.

Chi phí đăng ký chứng thư số và các công cụ, dụng cụ quản lý, được phân bổ trong vòng 24 tháng kể từ khi phát sinh.

Công ty căn cứ vào thời gian trả trước theo hợp đồng của từng loại chi phí để phân loại chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn và không thực hiện tái phân loại tại thời điểm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

**MẪU SỐ B09 - DN**

**4.7 Các khoản phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm: Phải trả về các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các khoản phải trả khác.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Dự phòng phải trả được thực hiện theo nguyên tắc như trình bày tại thuyết minh số 4.9.

**4.8 Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: chi phí dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 và chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu, trong đó:

- Chi phí dịch vụ kiểm toán được ước tính dựa trên hợp đồng kiểm toán.
- Chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu đã phát sinh trong kỳ nhưng chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ.

**4.9 Dự phòng phải trả**

Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa được trích lập theo tỷ lệ 03% trên doanh thu ghi nhận trong năm đối với các trường hợp bán hàng phải bảo hành căn cứ vào hợp đồng kinh tế giữa 2 bên và theo Quyết định số 04/PIV-QĐ ngày 30/6/2015 của Tổng Giám đốc Công ty, phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

**4.10 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm vốn góp của cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Thặng dư vốn cổ phần là các khoản chi phí liên quan đến tư vấn phát hành cổ phiếu với số tiền là 52.800.000 VND.

**4.11 Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận ngay khi bàn giao hàng hóa có xác nhận của người mua và hóa đơn phát hành.

*Doanh thu hoạt động tài chính* là lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**4.12 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm bán trong năm, được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu.

**4.13 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của kỳ kế toán, bao gồm: Chi phí xăng xe, thuê xe vận chuyển, cước vận chuyển; chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách...).

**4.14 Thuế**

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.15 Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**4.16 Bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các cán bộ quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc là các cá nhân có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Theo đó, các cá nhân này được coi là bên liên quan của Công ty.

Thông tin đối với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 32.

**5. TIỀN**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2015</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	3.471.197.016	2.830.039.261
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.663.979.444	12.419.084
<b>Cộng</b>	<b>16.135.176.460</b>	<b>2.842.458.345</b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2015</b> <b>VND</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>19.998.931.517</b>	<b>37.682.742.341</b>
Các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	15.368.974.807	31.103.299.317
<i>Chi nhánh Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Việt Phát tại Hải Dương</i>	-	20.441.517.768
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Du lịch Thiên Ân</i>	-	5.058.024.552
<i>Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy</i>	-	5.603.756.997
<i>Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bán Thái</i>	6.518.110.828	-
<i>Công ty Cổ phần Stevia TDP Việt Nam</i>	6.738.412.580	-
<i>Công ty Cổ phần Vialife</i>	2.112.451.399	-
Các khoản phải thu của khách hàng khác	4.629.956.710	6.579.443.024

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>		<b>01/01/2015</b> <b>VND</b>	
	<b>Giá trị Dự phòng</b>		<b>Giá trị Dự phòng</b>	
<b>7.1 Ngắn hạn</b>	<b>227.857.462</b>	-	<b>13.700.938</b>	-
Phải thu khác	19.654.179	-	13.700.938	-
Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Vật liệu Xây dựng Hoàng Gia	208.203.283	-	-	-
<b>7.2 Dài hạn</b>	<b>72.196.800</b>	-	<b>72.196.800</b>	-
Ký cược, ký quỹ	72.196.800	-	72.196.800	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
 Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
 Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính  
 kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 (Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B09 - DN**

**8. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Số dư 01/01/2015	(456.135.559)	(183.224.229)
Trích lập dự phòng	(386.366.947)	(318.154.330)
Hoàn nhập dự phòng	42.245.234	45.243.000
Các khoản dự phòng đã sử dụng	-	-
<b>Số dư 31/12/2015</b>	<b>(800.257.272)</b>	<b>(456.135.559)</b>
<i>Trong đó:</i>		
- Phải thu của khách hàng	(614.944.545)	(456.135.559)
- Trả trước cho người bán	(185.312.727)	-

**9. NỢ XẤU**

	31/12/2015 VND		01/01/2015 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>	<b>870.424.083</b>	<b>70.166.811</b>	<b>504.146.905</b>	<b>48.011.346</b>
- Ông Bùi Thành Hiệp <i>Thời gian quá hạn: 24 tháng</i> <i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	198.000.000	59.400.000	-	-
Các đối tượng khác - Bà Nguyễn Thái Hà <i>Thời gian quá hạn: 42 tháng</i> <i>Giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn</i>	147.272.727	-	-	-
- Các đối tượng khác	525.151.356	10.766.811	504.146.905	48.011.346

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015 VND		01/01/2015 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.932.126.579	-	-	-
Hàng hóa	550.969.874	-	-	-
	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>6.483.096.453</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B09 - DN**

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>11.1 Ngắn hạn</b>	<b>38.106.919</b>	<b>48.048.339</b>
Chi phí thuê văn phòng	38.106.919	48.048.339
<b>11.2 Dài hạn</b>	<b>13.029.593</b>	<b>28.972.093</b>
Công cụ, dụng cụ quản lý	13.029.593	28.172.093
Chi phí đăng ký chứng thư số	-	800.000

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Đơn vị tính: VND			
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	-	-	73.280.000	73.280.000
Mua sắm	3.636.363.636	1.672.363.636	-	5.308.727.272
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	<b>3.636.363.636</b>	<b>1.672.363.636</b>	<b>73.280.000</b>	<b>5.382.007.272</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2015	-	-	-	-
Khấu hao trong năm	173.160.173	39.818.182	24.426.667	237.405.022
Giảm trong năm	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	<b>173.160.173</b>	<b>39.818.182</b>	<b>24.426.667</b>	<b>237.405.022</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2015	-	-	73.280.000	73.280.000
Tại ngày 31/12/2015	<b>3.463.203.463</b>	<b>1.632.545.454</b>	<b>48.853.333</b>	<b>5.144.602.250</b>

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	31.284.600	31.284.600
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2015	<b>31.284.600</b>	<b>31.284.600</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2015	31.284.600	31.284.600
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2015	<b>31.284.600</b>	<b>31.284.600</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Tại ngày 31/12/2015	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B09 - DN**

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>25.025.465.674</b>	<b>17.521.815.968</b>
Các khoản phải trả người bán chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải trả	16.663.188.978	15.200.534.510
<i>Công ty CP Thương mại và Vật liệu XD Hoàng Gia</i>	-	2.707.524.100
<i>Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Kim Diệp</i>	-	5.682.677.910
<i>Công ty CP Đầu tư Thiết bị Công nghiệp Hữu Nghị</i>	7.776.585.448	-
<i>Công ty CP Vận tải Du lịch Thiên Ân</i>	-	6.810.332.500
<i>Công ty CP TM và Xây dựng Trần Nguyên</i>	3.468.307.870	-
<i>Công ty CP Vialife</i>	5.418.295.660	-
Phải trả cho các đối tượng khác	8.362.276.696	2.321.281.458

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	388.469.994	137.491.499	525.961.443	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.183.082.447	2.889.865.604	272.000.000	3.800.948.101
Thuế môn bài (*)	(4.500.000)	3.000.000	3.000.000	(4.500.000)
Thuế khác				
<b>Cộng</b>	<b>1.567.052.441</b>	<b>3.030.357.103</b>	<b>800.961.443</b>	<b>3.796.448.101</b>
<i>Trong đó:</i>				
15.1 Phải nộp	1.571.552.441			3.800.948.101
15.2 Phải thu	4.500.000			4.500.000

(\*) Thuế môn bài nộp thừa chưa được bù trừ.

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Chi phí kiểm toán	30.000.000	-
Chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu	52.800.000	-
Chi phí tư vấn khác	31.818.182	31.818.182
<b>Cộng</b>	<b>114.618.182</b>	<b>31.818.182</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B09 - DN**

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>71.734.967</b>	<b>400.055.170</b>
Kinh phí công đoàn	33.423.331	33.423.331
Bảo hiểm xã hội	-	1.502.800
Bảo hiểm y tế	-	260.100
Các khoản phải trả, phải nộp khác	32.128.638	351.168.001
Dư có phải thu khác (TK 1388)	6.182.998	13.700.938

**18. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ**

	Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa VND	Cộng VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Tại ngày 01/01/2015	-	-
Trích lập dự phòng	1.992.505.004	1.992.505.004
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Tại ngày 31/12/2015</b>	<b>1.992.505.004</b>	<b>1.992.505.004</b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	LNST chưa phân phối
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>12.000.000.000</b>	-	<b>443.972.144</b>	<b>35.157.200</b>	<b>(2.005.046.497)</b>
Tăng trong năm trước	-	-	-	-	8.033.299.332
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	-
<b>Số đầu năm nay</b>	<b>12.000.000.000</b>	-	<b>443.972.144</b>	<b>35.157.200</b>	<b>6.028.252.835</b>
Tăng trong năm nay	-	(52.800.000)	-	-	9.217.550.245
Giảm trong năm nay	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm nay</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>(52.800.000)</b>	<b>443.972.144</b>	<b>35.157.200</b>	<b>15.245.803.080</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B09 - DN**

**CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2015		01/01/2015	
	Tổng số	Vốn cổ phần thường	Tổng số	Vốn cổ phần thường
Vốn góp của cổ đông khác	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>

a. Vốn góp của chủ sở hữu	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Số đầu năm</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-

<b>Số cuối năm</b>	<b>12.000.000.000</b>	<b>12.000.000.000</b>
--------------------	-----------------------	-----------------------

b. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Số đầu năm</b>	<b>6.028.252.835</b>	<b>(2.005.046.497)</b>
Tăng trong năm	9.217.550.245	8.033.299.332
Lợi nhuận trong năm	9.217.550.245	8.033.299.332
Giảm trong năm	-	-

<b>Số cuối năm</b>	<b>15.245.803.080</b>	<b>6.028.252.835</b>
--------------------	-----------------------	----------------------

c. Cổ phiếu	31/12/2015 Cổ phiếu	01/01/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.200.000	1.200.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành	1.200.000	1.200.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.200.000</i>	<i>1.200.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.200.000	1.200.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.200.000</i>	<i>1.200.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B09 - DN**

**20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2015</u> VND	<u>Năm 2014</u> VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	153.933.334.068	101.505.966.951
Doanh thu bán hàng hóa	116.361.547.417	101.505.966.951
Doanh thu bán thành phẩm	37.571.786.651	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b><u>153.933.334.068</u></b>	<b><u>101.505.966.951</u></b>

**21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2015</u> VND	<u>Năm 2014</u> VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	102.879.048.634	90.527.708.512
Giá vốn của thành phẩm đã bán	30.434.861.240	-
<b>Cộng</b>	<b><u>133.313.909.874</u></b>	<b><u>90.527.708.512</u></b>

**22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2015</u> VND	<u>Năm 2014</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.014.535	3.011.216
Lãi từ chênh lệch giá mua và giá bán chứng khoán ngắn hạn	-	437.010.345
<b>Cộng</b>	<b><u>2.014.535</u></b>	<b><u>440.021.561</u></b>

**23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2015</u> VND	<u>Năm 2014</u> VND
Lãi tiền vay	-	4.249.106
Lỗ từ chênh lệch giá mua và giá bán chứng khoán ngắn hạn	-	187.149.805
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(54.669.525)
Chi phí tài chính khác	-	2.501.923
<b>Cộng</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>139.231.309</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
 (Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B09 - DN**

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>5.069.124.896</b>	<b>640.220.000</b>
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng	5.069.124.896	640.220.000
<i>Chi phí bảo hành</i>	1.992.505.004	-
<i>Chi phí khấu hao tài sản cố định</i>	39.818.182	-
<i>Các khoản chi phí bán hàng khác</i>	3.036.801.710	640.220.000
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>3.445.264.087</b>	<b>1.301.199.609</b>
Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí quản lý doanh nghiệp	3.445.264.087	1.301.199.609
<i>Chi phí nhân công</i>	910.518.362	543.898.618
<i>Chi phí dự phòng</i>	344.121.713	272.911.330
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác</i>	2.190.624.012	484.389.661

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	6.063.726
Xử lý công nợ không phải trả	-	64.625.000
Các khoản khác	500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>500.000</b>	<b>70.688.726</b>

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	6.607.827
Các khoản chậm nộp	226.338.557	23.828.240
<b>Cộng</b>	<b>226.338.557</b>	<b>30.436.067</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B09 - DN**

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	28.576.164.733	-
Chi phí nhân công	910.518.362	543.898.618
Chi phí dự phòng	2.336.626.717	3.649.998
Chi phí khấu hao tài sản cố định	237.405.022	272.911.330
Chi phí khác	6.888.535.389	1.120.959.663
<b>Cộng</b>	<b>38.949.250.223</b>	<b>1.941.419.609</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Tổng lợi nhuận kế toán (1)</b>	<b>11.881.211.189</b>	<b>9.377.881.741</b>
<b>Các khoản điều chỉnh tăng (2)</b>	<b>226.338.557</b>	<b>23.773.608</b>
Chi phí không được trừ	-	23.773.608
Các khoản chậm nộp thuế	226.204.660	-
Các khoản chậm nộp bảo hiểm	133.897	-
<b>Các khoản điều chỉnh giảm (3)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lỗi năm trước chuyển sang (4)</b>	<b>-</b>	<b>(2.678.743.305)</b>
<b>Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)+(4)</b>	<b>12.107.549.746</b>	<b>6.722.912.044</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (6)	22%	20%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (7)=(5)*(6)</b>	<b>2.663.660.944</b>	<b>1.344.582.409</b>

**29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	9.217.550.245	8.033.299.332
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (2a)</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm (2b)</i>	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2a)-(2b)</b>	<b>9.217.550.245</b>	<b>8.033.299.332</b>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (4)	1.200.000	1.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)</b>	<b>7.681</b>	<b>6.694</b>

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU SỐ B09 - DN

**30. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Theo Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 04/01/2016 và ngày 05/01/2016, Công ty đã nộp tiền nợ thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, số tiền 1.211.082.496 VND. Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2015 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

**31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.15.

	<u>Giá trị ghi sổ</u> <u>31/12/2015</u> <u>VND</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u> <u>01/01/2015</u> <u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	16.135.176.460	2.842.458.345
Phải thu của khách hàng	19.998.931.517	37.682.742.341
Phải thu khác	280.400.083	72.196.800
<b>Cộng</b>	<b>36.414.508.060</b>	<b>40.597.397.486</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán	25.025.465.674	17.521.815.968
Chi phí phải trả	114.618.182	31.818.182
Phải trả khác	38.311.636	364.868.939
<b>Cộng</b>	<b>25.178.395.492</b>	<b>17.918.503.089</b>

Công ty trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính theo giá trị hợp lý. Công ty đã trình bày giá trị hợp lý của công cụ tài chính theo hướng dẫn về thuyết minh báo cáo tài chính của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính tại một số thuyết minh ở phần trên.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

• **Rủi ro thị trường**

- *Rủi ro tiền tệ*

Việc kinh doanh của Công ty không phải chịu rủi ro từ đồng ngoại tệ vì các giao dịch mua hàng lớn đều bằng VND.

- *Rủi ro lãi suất*

Tại ngày 31/12/2015, số dư khoản vay của Công ty bằng không nên không phải chịu rủi ro lãi suất.

• **Rủi ro tín dụng**

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

- *Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị giảm giá*

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

- *Tài sản tài chính quá hạn hoặc giảm giá*

	<u>31/12/2015</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2015</u> <u>VND</u>
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	233.282.706	183.347.610
Quá hạn từ 03 năm trở lên	636.959.377	320.799.295
<b>Cộng</b>	<b><u>870.242.083</u></b>	<b><u>504.146.905</u></b>

Giá trị tài sản tài chính quá hạn (phải thu quá hạn) này đã được Công ty phòng ngừa rủi ro bằng cách trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

• **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

	Đến 01 năm VND	Trên 01 năm VND
<b>Tại 31/12/2015</b>		
Phải trả người bán	25.025.465.674	-
Chi phí phải trả	114.618.182	-
Phải trả khác	38.311.636	-
<b>Cộng</b>	<b>25.178.395.492</b>	<b>-</b>
<b>Tại 01/01/2015</b>		
Phải trả người bán	17.521.815.968	-
Chi phí phải trả	31.818.182	-
Phải trả khác	364.868.939	-
<b>Cộng</b>	<b>17.918.503.089</b>	<b>-</b>

• **Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng đối với phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

**32. THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của Ban Giám đốc	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>Ban Giám đốc</b>		
Thu nhập phải trả	106.713.500	143.399.500
Thu nhập đã trả	97.296.500	143.399.500

**33. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia làm 02 bộ phận hoạt động: bán hàng hóa và bán thành phẩm. Công ty lập báo cáo bộ phận theo 02 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Năm 2015**

**Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2015**

	Bán hàng hóa	Bán thành phẩm	Đơn vị tính: VND Cộng
<b>Tài sản</b>			
Hàng tồn kho	550.969.874	5.932.126.579	6.483.096.453
Tài sản không phân bổ			69.048.312.524
<b>Cộng</b>			<b>75.531.408.977</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả không phân bổ			47.859.276.553
<b>Cộng</b>			<b>47.859.276.553</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MÃ SỐ B09 - DN**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2015**

	Đơn vị tính: VND		
	<u>Bán hàng hóa</u>	<u>Bán thành phẩm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Doanh thu</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	116.361.547.417	37.571.786.651	153.933.334.068
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>116.361.547.417</b>	<b>37.571.786.651</b>	<b>153.933.334.068</b>
Giá vốn hàng bán	102.879.048.634	30.434.861.240	133.313.909.874
Chi phí không phân bổ			8.514.388.983
Doanh thu hoạt động tài chính			2.014.535
Chi phí tài chính			-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			12.107.049.746
Lãi (lỗ) khác			(225.838.557)
Lợi nhuận trước thuế			11.881.211.189
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			2.663.660.944
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b>9.217.550.245</b>

*Chi phí và lợi nhuận không tập hợp được cho từng bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.*

**Năm 2014**

**Bảng cân đối kế toán tại 31/12/2014**

	Đơn vị tính: VND		
	<u>Bán hàng hóa</u>	<u>Bán thành phẩm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Tài sản</b>			
Tài sản không phân bổ			40.530.076.024
<b>Cộng</b>			<b>40.530.076.024</b>
<b>Nợ phải trả</b>			
Nợ phải trả không phân bổ			22.022.693.845
<b>Cộng</b>			<b>22.022.693.845</b>

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014**

	Đơn vị tính: VND		
	<u>Bán hàng hóa</u>	<u>Bán thành phẩm</u>	<u>Cộng</u>
<b>Doanh thu</b>			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	101.505.966.951	-	101.505.966.951
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>101.505.966.951</b>	<b>-</b>	<b>101.505.966.951</b>
Giá vốn hàng bán	90.527.708.512	-	90.527.708.512
Chi phí không phân bổ			1.941.419.609
Doanh thu hoạt động tài chính			440.021.561
Doanh thu tài chính			139.231.309
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			9.337.629.082
Lãi (lỗ) khác			40.252.659
Lợi nhuận trước thuế			9.377.881.741
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			1.344.582.409
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>			<b>8.033.299.332</b>

*Chi phí và lợi nhuận không tập hợp được từng bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

**MẪU SỐ B09 - DN**

**34. THÔNG TIN KHÁC**

Ngày 31/12/2015, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 116/GCN-UBCK chấp thuận cho Công ty được chào bán 13.800.000 cổ phiếu tương đương 138.000.000.000 VND tính theo mệnh giá cho cổ đông hiện hữu. Thời gian dự kiến phân phối trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận trên có hiệu lực.

**35. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Như đã trình bày tại thuyết minh số 3, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Việt Anh - Chi nhánh Hải Phòng (nay là Công ty TNHH Kiểm toán An Việt - Chi nhánh Hải Phòng) và được trình bày lại cho phù hợp với số liệu của năm hiện hành.

Ảnh hưởng của việc áp dụng chuẩn mực/chế độ/quy định kế toán mới, thay đổi trong chính sách kế toán và điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh trong báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Đơn vị tính: VND	
				Số liệu sau điều chỉnh	Ghi chú
<i>Bảng cân đối kế toán</i>					
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	-	37.682.742.341	37.682.742.341	(i)
Phải thu khách hàng	131	37.682.742.341	(37.682.742.341)	-	(i)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	-	220.312.727	220.312.727	(ii)
Trả trước cho người bán	132	220.312.727	(220.312.727)	-	(ii)
Phải thu dài hạn khác	216	-	72.196.800	72.196.800	(iii)
Tài sản dài hạn khác	268	72.196.800	(72.196.800)	-	(iii)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	-	17.521.815.968	17.521.815.968	(iv)
Phải trả người bán	312	17.521.815.968	(17.521.815.968)	-	(iv)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	-	2.389.838.896	2.389.838.896	(v)
Người mua trả tiền trước	313	2.389.838.896	(2.389.838.896)	-	(v)
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	-	31.818.182	31.818.182	(vi)
Chi phí phải trả	316	31.818.182	(31.818.182)	-	(vi)
Quỹ đầu tư phát triển	418	278.286.705	165.685.439	443.972.144	(vii)
Quỹ dự phòng tài chính	418	165.685.439	(165.685.439)	-	(vii)
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>	<i>-</i>	<i>(2.005.046.497)</i>	<i>(2.005.046.497)</i>	<i>(viii)</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>	<i>-</i>	<i>8.033.299.332</i>	<i>8.033.299.332</i>	<i>(viii)</i>

(i) Phải thu ngắn hạn của khách hàng: Tăng do trình bày lại số dư phải thu khách hàng, số tiền: 37.682.742.341 VND.

(ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn: Tăng do trình bày lại số dư trả trước cho người bán, số tiền: 220.312.727 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN PIV**  
Tầng 13, Tòa nhà TTC, Phố Duy Tân,  
Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B09 - DN**

*(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)*

- (iii) Phải thu dài hạn khác/ Tài sản dài hạn khác: Tăng/giảm do trình bày lại số dư ký cược, ký quỹ dài hạn số tiền 72.196.800 VND.
- (iv) Phải trả người bán ngắn hạn: Tăng do trình bày lại số dư phải trả người bán, số tiền 17.521.815.968 VND.
- (v) Người mua trả tiền trước ngắn hạn: Tăng do trình bày lại số dư người mua trả tiền trước, số tiền: 2.389.838.896 VND.
- (vi) Chi phí phải trả ngắn hạn: Tăng do trình bày lại số dư chi phí phải trả, số tiền: 31.818.182 VND.
- (vii) Quỹ đầu tư phát triển: Tăng do trình bày lại số dư quỹ dự phòng tài chính số tiền 165.685.439 VND.
- (viii) Lợi nhuận chưa phân phối: Trình bày bổ sung phù hợp với quy định hiện hành.

**Người lập biểu**



**Phí Thị Ngọc Anh**

**Kế toán trưởng**



**Phí Thị Ngọc Anh**

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2016

**Tổng Giám đốc**



**Trần Đức Dũng**